

CT. CỔ PHẦN MEINFA

Số: 18./MEF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**Công ty cổ phần MEINFA****Năm báo cáo: 2023****I. Thông tin chung****1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần MEINFA**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600283621
- Vốn điều lệ: 41.350.970.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 41.350.970.000 VND
- Địa chỉ: Tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, Thái Nguyên
- Số điện thoại: 0208.3861.236 - Số fax: 0208.3861.338
- Website: Meinfavn.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): MEF

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần MEINFA tiền thân là nhà máy Y Cụ II, được thành lập ngày 19/07/1975 theo quyết định số 519/CL-CB của bộ trưởng Bộ Cơ khí luyện kim. Năm 1981, Công ty được chuyển sang Bộ Y tế. Đến ngày 30/11/2001, Công ty Cổ phần MEINFA được thành lập theo quyết định số 1518/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, giấy phép kinh doanh số 1703000013 do sở Kế hoạch đầu tư Thái nguyên cấp ngày 21/12/2001. Công ty có vốn điều lệ ban đầu khi chuyển sang công ty cổ phần là 21.000.000.000,đ. Sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đến nay, vốn điều lệ của công ty là 41.350.970.000,đ. Ngày 23/12/2020, Công ty đã đăng ký giao dịch tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sàn Upcom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và mua bán các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị phục vụ ngành y tế. Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (trừ máy móc thiết bị), máy thông dụng, máy chuyên dụng, dụng cụ chăn nuôi thú y, dụng cụ cầm tay các loại.

- Địa bàn kinh doanh: Trên phạm vi cả nước và một số nước như: Đài Loan, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật, Hàn Quốc, Italia...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. *Mô hình quản trị*: Công ty bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị thành viên.

3.2. *Cơ cấu bộ máy quản lý*:

- Đại hội đồng cổ đông: ĐHCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định tất cả mọi hoạt động hàng năm của công ty thông qua Đại hội đồng cổ đông, phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, bầu và bãi miễn HĐQT, BKS, bổ sung và sửa đổi điều lệ, quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty, tổ chức lại và giải thể công ty.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT của công ty gồm 05 người do ĐHCĐ bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Ban Giám đốc: Ban Giám đốc công ty gồm 01 Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm.

- Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên do ĐHCĐ lựa chọn và bầu ra. BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh.

3.3. *Các công ty con, công ty liên kết*:

+ Công ty TNHH MTV Tam Hữu, có trụ sở tại: Phường Mỏ chè, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên. Chuyên sản xuất các sản phẩm từ dạng phôi rèn, phôi dập; nhiệt luyện kim loại; mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí thông dụng, dụng cụ trang thiết bị, máy móc phục vụ y tế, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ cầm tay các loại. Vốn điều lệ thực góp: 56.000.000.000,đ, tỷ lệ góp 100%.

+ Công ty TNHH MTV Cơ Điện, có trụ sở tại: Phường Cải Đan, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên. Chuyên sản xuất các dụng cụ cầm tay xuất khẩu và nội địa; mua bán, chế tạo, sửa chữa thiết bị dùng trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy. Vốn điều lệ thực góp: 18.500.000.000,đ, tỷ lệ góp 100%.

+ Công ty TNHH MTV Vạn Xuân, có trụ sở tại: Phường Cải Đan, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên. Chuyên sản xuất các loại khuôn mẫu, dao cụ, trang bị công nghệ cho sản phẩm cơ khí. Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000,đ, tỷ lệ góp 100%.

+ Công ty TNHH MTV Cơ Khí, có trụ sở tại: Phường Mỏ Chè, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên. Chuyên gia công cơ khí; mạ và sơn phủ bề mặt; mua bán, chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ công, nông, lâm, ngư nghiệp, chăn nuôi, thú y, xây dựng, các sản phẩm y tế. Vốn điều lệ thực góp 14.000.000.000,đ, tỷ lệ góp 100%.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Sản phẩm làm ra đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Doanh thu hàng năm tăng từ 5-7%, lợi nhuận tăng từ 3-5%, cổ tức đạt 3.000đ ÷ 4.000đ/cổ phiếu.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Đầu tư, mở rộng sản xuất, tăng lượng hàng xuất khẩu, tăng cường cải tiến kỹ thuật nâng cao năng xuất lao động, bảo đảm sản phẩm đáp ứng yêu cầu thỏa mãn của khách hàng, giữ vững uy tín thương hiệu của công ty.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường. Thực hiện chương trình chống lãng phí trong hệ thống quản lý, sản xuất, tiêu thụ năng lượng.

5. Các rủi ro

Sự cạnh tranh gay gắt về giá thành, về sản phẩm, tiền lương, thị trường. Các mặt hàng, sản phẩm truyền thống của công ty cũng không tránh khỏi sự cạnh tranh không lành mạnh từ các nhà cung cấp khác trong và ngoài nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2023, doanh thu đạt: 325.068.405.668, đồng, bằng 89,2% so với kế hoạch, bằng 87,86% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt: 34.787.080.343, đồng, bằng 104,25% so với kế hoạch, bằng 97,5% so với năm 2022.

- Nguyên nhân: Các công ty thành viên đã nỗ lực nâng cấp nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng. Công ty đã chú trọng khai thác mở rộng, phát triển thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông: Trần Văn Hùng - chức vụ: Tổng Giám đốc - sinh ngày: 05/09/1962 - nơi sinh: Tỉnh Hà Nam - nơi cư trú: Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - số cổ phần nắm giữ: 176.585 cổ phần.

+ Bà: Trần Thị Bích Ngọc - chức vụ: Kế toán trưởng - sinh ngày: 17/03/1982 - nơi sinh: Tỉnh Nam Định - nơi cư trú: Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - số cổ phần nắm giữ: 8.604 cổ phần.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 484 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Giá trị đầu tư 17,428 tỷ đồng, chủ yếu là đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

- Công ty TNHH MTV Vạn Xuân:	1,46 tỷ đồng
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí:	1,087 tỷ đồng
- Công ty TNHH MTV Tam Hữu:	14,5 tỷ đồng
- Công ty TNHH MTV Cơ Điện:	0,381 tỷ đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	222.128.698.357	240.932.362.079	108,5%
Doanh thu thuần	369.970.086.549	325.068.405.668	87,9%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	46.298.034.627	45.311.864.519	97,9%
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	45.476.753.839	44.209.288.213	97,2%
Lợi nhuận sau thuế	35.678.379.734	34.787.080.343	97,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40%	45%	112,5%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,2	3,5	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,2	2,4	
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,22	0,21	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,26	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	6,09	4,84	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,67	1,35	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,20	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,13	0,14	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần loại phổ thông đang lưu hành: 4.135.097 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Tổng số: 4.135.097 cp, trong đó:

- Cổ đông lớn chiếm: 40,44%
- Cổ đông nhỏ chiếm: 58,38%
- Cổ đông tổ chức (Quỹ): 1,18%
- Cổ đông cá nhân: 98,82%
- Cổ đông trong nước chiếm: 93,71%
- Cổ đông nước ngoài chiếm: 6,29%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Không có.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải nhà kính: Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm = 4.500 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện 128.194 Kwh

b) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không.

6.4. Tiêu thụ nước: (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng nước máy: 2.448 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 25%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động bình quân 484 người, thu nhập bình quân 10.662.250, đ/người/tháng (cả thưởng), mức tiền lương bình quân nộp BHXH: 5.894.734, đ/ người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Các công ty thực hiện đầy đủ kế hoạch chăm sóc sức khỏe, giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 120 giờ/người/năm cho các cán bộ quản lý từ tổ trưởng sản xuất trở lên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Trọng tâm của công ty là cải tiến quản lý xoay quanh chủ đề phát triển bền vững, nhận diện và loại bỏ các lãng phí, trong đó ưu tiên chống lãng phí về nhân lực, chú trọng tăng năng xuất lao động, cải tiến công nghệ, cải thiện môi trường làm việc của người lao động, môi trường chung.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty tham gia đầy đủ các phong trào do địa phương phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu năm 2023 đạt: 325.068.405.668,đ, bằng 87,86% so với năm 2022 (369.970.086.549,đ), bằng 89,2% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt: 34.787.080.343,đ, bằng 97,5% so với năm 2022 (35.678.379.734,đ), bằng 104,25% so với kế hoạch.

Nguyên nhân đạt được hiệu quả trên như sau:

- Doanh thu đạt kết quả do các yếu tố sau:

Năm 2023, kinh tế thế giới rơi vào suy thoái, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, sản xuất gặp khó khăn. Giá nhiên liệu tăng cao nên họ tiết giảm sản xuất. Công ty Meinfa xuất khẩu khoảng 60% doanh thu nên càng bị ảnh hưởng sâu. Thị trường trong nước và thế giới sức mua đều giảm, khả năng tiêu thụ chậm. Tổng Giám đốc và Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng song sản lượng chưa lớn, chưa nhiều nên chưa bù đủ phần doanh thu cũ bị sụt giảm.

- Lợi nhuận đạt kết quả do các yếu tố sau:

Tuy doanh thu giảm nhưng công ty đã nỗ lực tìm kiếm, phát triển thêm một số đối tác trong nước và nước ngoài, các mặt hàng mới phù hợp với công nghệ, kỹ thuật, có giá tốt nên cho lợi nhuận tốt. Đồng thời, Công ty thực hiện quyết liệt chương trình phát triển bền vững, chống lãng phí, cải tiến liên tục về quản lý và kỹ thuật, thực hiện tốt 5S-ISO, thực hành tiết kiệm ở mọi khâu nên tổng chi phí sản xuất giảm. Dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận vẫn gia tăng.

2. Tình hình tài chính: Tình hình tài chính ổn định không có biến động lớn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tập trung đầu tư thiết bị hiện đại, cải tiến sản xuất; mở rộng ngành hàng, tìm kiếm thêm khách hàng mới; cải tạo nhà xưởng đảm bảo môi trường làm việc; nâng cao đời sống cho người lao động; đẩy mạnh xuất khẩu coi xuất khẩu là định hướng lâu dài; duy trì thực hiện tốt các chương trình quản lý 5S, ISO và chống lãng phí, thực hành tiết kiệm ở mọi khâu.

5. Giải trình của ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty tiếp tục duy trì tốt chương trình phát triển bền vững, trong đó

có các yếu tố chống lãng phí về năng lượng điện, xăng dầu, nước. Chú trọng công tác xử lý nước thải, đảm bảo nước thải ra môi trường đạt yêu cầu cho phép, góp phần bảo vệ môi trường làm việc cũng như của cộng đồng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thu nhập của người lao động không ngừng được cải thiện nâng lên, đáp ứng nhu cầu cuộc sống của người lao động. Người lao động hưởng ứng chương trình nhận diện và loại bỏ lãng phí để mang hiệu quả kinh tế, nhằm từng bước cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập, người lao động yên tâm gắn bó làm việc lâu dài với công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty có trách nhiệm đến các vấn đề phát triển của địa phương, ủng hộ tạo môi trường lành mạnh để thu hút các nhà đầu tư. Có nghĩa vụ góp phần xây dựng địa phương phát triển.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: Như đánh giá đã nêu trên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc hoạt động có trách nhiệm và hiệu quả, đã từng bước tháo gỡ những khó khăn để thực hiện tốt định hướng phát triển. Ban Giám đốc đã nghiêm túc triển khai và thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị để công ty phát triển bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Duy trì và thực hiện thành công chương trình phát triển bền vững. Tổ chức tiếp cận các chuyên gia trong và ngoài nước và các công ty trong nước để học hỏi kinh nghiệm áp dụng vào quản lý và sản xuất của công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Đinh Văn Vinh	Chủ tịch HĐQT	7,92%
2	Ông Trần Văn Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	4,27%
3	Ông Phạm Văn Sáu	Thành viên HĐQT	6,03%
4	Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	6,18%
5	Ông Dương Quang Dũng	Thành viên HĐQT	0,67%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Thường xuyên, năm 2023 Hội đồng quản trị họp 05 phiên, đạt 100%.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Thường xuyên, tham gia đầy đủ 100% các phiên họp.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Phạm Thị Duyên	Trưởng ban	0,21%
2	Bà Nguyễn Thị Hoàng Tâm	Thành viên	0%
3	Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05/05/2023)	0,21%
4	Ông Đinh Xuân Quân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05/05/2023)	0,33%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát: Thường xuyên, năm 2023 Ban Kiểm soát họp 05 phiên, đạt 100%.

3. Các giao dịch và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Lương thưởng, thù lao (VND)
1	Ông Đinh Văn Vinh	Chủ tịch HĐQT	140.000.000
2	Ông Trần Văn Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	2.023.832.050
3	Ông Phạm Văn Sáu	Thành viên HĐQT	519.323.718
4	Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	120.000.000
5	Ông Dương Quang Dũng	Thành viên HĐQT	1.553.461.346
6	Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên KS (miễn nhiệm ngày 05/05/2023), Kế toán trưởng	475.196.537
7	Bà Phạm Thị Duyên	Trưởng ban KS	553.340.217
8	Bà Nguyễn Thị Hoàng Tâm	Thành viên KS	60.000.000
9	Ông Đinh Xuân Quân	Thành viên KS (bổ nhiệm ngày 05/05/2023)	364.445.635

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có giao dịch

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có giao dịch

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần báo cáo kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, bao gồm): Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán: Đã gửi các cơ quan quản lý Nhà nước ngày 28/03/2024.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Nơi gửi:

- UBCK NN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Website Meinfat.



TỔNG GIÁM ĐỐC
KS. Trần Văn Hùng

